

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: ~~1479~~ /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 09 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục công trình Sân vận động tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Quyết định số 2697/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục công trình Sân vận động tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 10394/UBND-CN ngày 14/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục công trình đầu tư sửa chữa, cải tạo Sân vận động tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1610/SXD-HĐXD ngày 04/4/2017 phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đầu tư sửa chữa, cải tạo một số hạng mục công trình Sân vận động tỉnh; của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 580/SVHTTDL-DA ngày 16/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục công trình Sân vận động tỉnh với các nội dung sau:

1. Khái quát về dự án:

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục công trình Sân vận động tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2697/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 với tổng mức đầu tư là 2.665.524.000 đồng.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý chủ trương điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục công trình tại Công văn số 10394/UBND-CN ngày 14/9/2016.

2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung và giải pháp thiết kế chủ yếu

a) Hạng mục không thực hiện:

Màn hình LED hiện kết quả thi đấu; khu vệ sinh A3, A4; phòng họp báo (bao gồm 02 điều hòa 24.000 BTU).

b) Hạng mục bổ sung:

- Khu nhà ăn: Bóc bỏ lớp trát cũ bị bong tróc, trát và lăn sơn không bả tường trong; lắp đặt lại hệ thống điện cũ không đảm bảo an toàn, lắp mới quạt trần, điều hòa; thay thế cửa đi, cửa sổ đã cũ bằng cửa kính khung nhựa lõi thép.

- Phòng tác nghiệp báo chí: Thay thế cửa đi khung nhựa lõi thép.

- Phòng an ninh, phòng giám sát trọng tài: Lắp đặt bổ sung dây dẫn, automat;

- Khu vệ sinh A1, A2, A3, A4, B1, B2, B3, B4: Lắp đặt bổ sung 16 kết nước mái, lắp đặt automat khu vệ sinh A1, A2.

- Thay thế 231 ghế ngồi có tay vịn khán đài A.

- Cải tạo, mở rộng khu nhà vệ sinh A4: Cải tạo lại phòng vệ sinh nữ và xây mới phòng vệ sinh nam.

3. Tổng mức đầu tư điều chỉnh (làm tròn): 2.656.231.000 đồng;

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	1.244.098.069	đồng;
- Chi phí thiết bị:	905.218.060	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	53.465.865	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	127.863.227	đồng;
- Chi phí khác:	84.110.250	đồng;
- Chi phí dự phòng:	241.475.547	đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

4. Các nội dung khác: Theo Quyết định số 2697/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục công trình Sân vận động tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa (chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

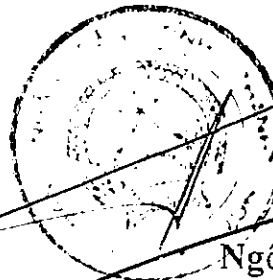
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN. (M4 4)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Tuấn

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục công trình Sân vận động tỉnh
(Kèm theo Quyết định số: ~~4473/QĐ-UBND~~ ngày ~~09/5/2017~~ của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN
I	Chi phí xây dựng	Gxd		1.244.098.069
II	Chi phí thiết bị	Gtb		905.218.060
III	Chi phí quản lý dự án	Gqlđa		53.465.865
IV	Chi phí tư vấn ĐTXD	Gtv	(I+...+7)	127.863.227
1	Khảo sát địa chất, địa hình		Dự toán	8.209.667
2	Chi phí lập báo cáo KTKT		6,5% x Gxd bổ sung	58.722.255
3	Chi phí thẩm tra thiết kế và dự toán		(0,206%+0,20%) x Gxd	4.873.312
4	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT xây lắp		0,2% x Gxd Trước VAT	2.400.646
5	Chi phí lập HSMT thiết bị và đánh giá HSDT thiết bị		0,2% x Gxd Trước VAT	2.029.469
6	Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị			40.934.704
7	Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư		20% x Gqlđa	10.693.173
V	CHI PHÍ KHÁC	Gk	I+...+10	84.110.250
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN		Tạm tính	10.000.000
2	Lệ phí thẩm định Báo cáo KTKT		TMĐT x 0,019%	1.011.133
3	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC		0,165% x Gxd bổ sung	357.938
4	Chi phí thẩm định dự toán		0,160% x Gxd bổ sung	347.091
5	Chi phí thẩm định HSYC và kết quả lựa chọn nhà thầu XL		Mức tối thiểu	2.000.000
6	Chi phí thẩm định HSMT thiết bị và kết quả lựa chọn nhà thầu TB		Mức tối thiểu	2.000.000
7	Chi phí bảo hiểm công trình			4.925.419
8	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		50% x TMĐT x 0,95%	12.617.097
9	Chi phí kiểm toán		TMĐT x 1,6%	42.499.696
10	Chi phí hạng mục chung		3,5% x Gxd bổ sung	8.351.875
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Gdp	G _{DP1} +G _{DP2}	241.475.547
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	G _{DP1}	(I+II+III+IV+V) x 5%	120.737.774
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	G _{DP2}	(I+II+III+IV+V) x 5%	120.737.774
	TỔNG CỘNG:	G _{tmdt}	(I+II+III+IV+V+VI)	2.656.231.017
	LÀM TRÒN			2.656.231.000